

Gói thầu số 1: Cung cấp tấm đệm, động cơ và vật tư cơ khí phục vụ công tác đại tu tổ máy GT21 PM2.1 (đợt 2)

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự án/Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ phục vụ công tác đại tu tổ máy GT21 PM2.1 (đợt 2).
- Thời gian thực hiện dự án: Dự kiến từ tháng 02/2026.
- Tên gói thầu số 1: Cung cấp tấm đệm, động cơ và vật tư cơ khí phục vụ công tác đại tu tổ máy GT21 PM2.1 (đợt 2).
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Hàng đã được bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển và giao tại Kho vật tư của Chủ đầu tư, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Thời gian thực hiện gói thầu (được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày nghiệm thu hoàn thành công việc): Trong vòng 155 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó, thời gian giao hàng và chứng từ kèm theo đạt yêu cầu cụ thể như sau:
 - + Phần 1, Phần 3: Trong vòng 98 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 - + Phần 2:
 - Mục 2.1 - 2.5: Trong vòng 42 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 - Mục 2.6: Trong vòng 140 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Stt	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
	Phần 1: Tấm đệm		
1.1	Tấm đệm làm kín (Gasket, vật liệu: NBR, bao gồm 02 gasket cho 02 tấm bìa) cho Bộ làm mát nhớt (Heat exchanger - Type: M 107; Year: 1996; Serial no.: 39280; Drawing no.: 1836 5839-2; Normal capacity: 722400 KCAL/H; Heat exchanger surface: 118.8 m2) (hoặc tương đương)	Cái	115

Stt	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
1.2	Tấm làm mát Plate; vật liệu: SUS316L cho Bộ làm mát nhót (Heat exchanger) Type: M 107; Year: 1996; Serial no.: 39280; Drawing no.: 1836 5839-2; normal capacity: 722400 KCAL/H; Heat exchanger surface: 118.8 m ² ; Manufacturer: APV Heat Exchanger A/S (hoặc tương đương)	Tấm	40
	Phần 2: Vật tư cơ khí		
2.1	Đệm khớp nối (Coupling) N-EUPEX size 160mm; NSX: Flender (hoặc tương đương)	Cái	1
2.2	Vòng đệm (O-Ring) Ø60x3.5mm; vật liệu NBR (hoặc tương đương)	Cái	2
2.3	Vòng đệm (O-Ring) Ø88x3.5mm; vật liệu: NBR (hoặc tương đương)	Cái	1
2.4	Bộ phụ tùng cho xy-lanh thủy lực DD, Cylinder model: 06.00 SB2HLPV47 54.100, bao gồm: - Bộ phốt làm kín cho Piston và trục: + Bộ phốt cho Piston (Viton Cylinder seal kit) 6” - PK602HLL05, Part no: AF0509PARKER05, NSX: Parker (hoặc tương đương) + Bộ phốt cho trục (Rod seal kit) – RK2AHL0355, Part no: AF0317PARKER01; NSX: Parker (hoặc tương đương) - Bi cầu GEZ50ES-2RS (hoặc tương đương)	Bộ	3
2.5	Van xả gió cho xilanh thủy lực (Model: RV-08W-20-MK, NSX: S (hoặc tương đương)	Cái	6
2.6	Van chặn đầu vào, ra của bộ làm mát nước/nước; Model: CSW-CompoSeal; Size: DN150 ASME class 150; Trim: 441; Body style: Wafer type; Operation: Lever operated; Seat: EPDM; Flange O-ring: EPDM-WA; Body+Disc: Composite XP1600; Flange pattern: ML; Manufacturer: Keystone valve, Emerson (hoặc tương đương)	Cái	2
	Phần 3: Động cơ		
3.1	Động cơ - Motor ABB 3Pha: M2BA 250 MA 24 U: 400V; P: 55KW; I: 95A; n: 2970r/min; Cos: 0,89 Prod code: 3GB 251 210-BDC+22+2+145 Bearing: NDE 6315ZZ/C3; DE	Cái	1

Stt	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
	6315ZZ/C3 (Motor mặt bít đứng hướng xuống với mã IM V1) (hoặc tương đương)		
3.2	Động cơ - Motor ABB GKCE 80L-2B-ea/S Ua: 220+/-10%V Iam: 2,3A n: 1510r/min P: 0.3KW (Motor mặt bít đứng hướng xống với mã IM V1) (hoặc tương đương)	Cái	1
3.3	Động cơ - Motor Siemens 3Pha (chống cháy nổ, mặt bích đứng hướng lên trên IM V19) Model: 1MB1543-0EB42-2LA4-Z-P01+R18 Motor type: 1CE3094B, Size 90L Pn: 1,35KW, In: 3,05A, Un: 400V; n: 1440r/min; Fn: 50Hz, flange: FT130 (C160) P01= Next-larger standard flange: FT130 (C160) (hoặc tương đương)	Cái	2

Ghi chú: Nhà thầu cần lưu ý các nội dung sau:

- Hàng hoá nêu trên là loại hàng hóa mà Chủ đầu tư đang sử dụng. Nhà thầu có thể chào đúng loại hoặc tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu sử dụng của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, các chứng chỉ cần thiết, có bảng phân tích đặc tính kỹ thuật tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế để chứng minh hàng do nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Hàng hóa có quy cách tương đương là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng, các tiêu chuẩn kỹ thuật (sản xuất chế tạo, thử nghiệm) tương đương với loại hàng hóa đã nêu.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Chất lượng hàng hóa và tiêu chuẩn kỹ thuật:

Nhà thầu phải có văn bản cam kết kèm theo E-HSDT đáp ứng các nội dung sau:

- Hàng mới 100% theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà sản xuất.
- Hàng hóa chào thầu đảm bảo lắp đặt tương thích với hệ thống, thiết bị hiện hữu của Nhà máy điện Phú Mỹ 2.1.

1.3.2. Tính hợp lệ của hàng hoá:

* Về xuất xứ hàng hóa: Nhà thầu chào hàng hóa phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Xuất xứ được hiểu là Quốc gia (Nước) hoặc nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ. Trường hợp nhà thầu chào không có xuất xứ cụ thể E-HSDT của nhà thầu sẽ không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.

* Về nhãn hiệu, hãng sản xuất: Trường hợp hàng hóa chào không nêu rõ nhãn hiệu hoặc hãng sản xuất thì hàng hóa đó không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.

Tất cả hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Vì vậy, nhà thầu phải nêu rõ hàng hóa được chào hàng do hãng sản xuất nào cung cấp, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và cam kết cung cấp các chứng từ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa trong trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký hợp đồng cung cấp chính thức bao gồm:

- Tài liệu, bản vẽ kỹ thuật hoặc hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.
- Chứng chỉ xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất/xuất khẩu cấp (nếu là hàng nhập khẩu): *Bản gốc hoặc bản liên 2 (bản đóng dấu “Copy” của cơ quan có thẩm quyền cấp) hoặc bản điện tử được phát hành hợp lệ hoặc bản sao y được công chứng bởi cơ quan có thẩm quyền.*
- Chứng chỉ chất lượng (hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương) do Nhà sản xuất/Văn phòng đại diện của Nhà sản xuất cấp: *Bản gốc hoặc bản điện tử được phát hành hợp lệ hoặc bản sao y được công chứng bởi cơ quan có thẩm quyền.*
- Tờ khai hải quan và bảng liệt kê chi tiết hàng hóa đính kèm (nếu là hàng nhập khẩu): *Bản sao đóng dấu nhà thầu, có thể hiện đầy đủ thông tin số tờ khai.*
- Chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu và/hoặc thuế giá trị gia tăng do cơ quan chức năng phát hành (nếu có) nếu là hàng nhập khẩu.
- Giấy bảo hành hàng hóa: *Bản gốc.*

1.3.3. Bảo hành hàng hoá

- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hàng đạt yêu cầu.
- Địa điểm bảo hành: Tại Nhà máy điện Phú Mỹ 2.1, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ